

PHÂN TÍCH VÀ ĐỀ XUẤT MÔ HÌNH CHĂN NUÔI THEO HƯỚNG BỀN VỮNG TẠI KHU KINH TẾ CỬA KHẨU QUỐC TẾ CẦU TREO

PHAN TUẤN ANH*

Bị ảnh hưởng trực tiếp từ việc đóng cửa khu vực phi thuế quan của cửa khẩu Cầu Treo và chính sách đóng cửa rừng của Lào, kinh tế của xã Sơn Kim 1 (Hương Sơn - Hà Tĩnh) đã chuyển từ thương mại và khai thác rừng là chính sang phát triển chăn nuôi. Bài viết dựa trên kết quả khảo sát của đề tài “Phát triển bền vững ở Lào và ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế” và phương pháp phân tích SWOT để phân tích thực trạng và đánh giá một số mô hình chăn nuôi hiện tại của xã Sơn Kim 1, từ đó chỉ ra một số hạn chế của các mô hình này. Trên cơ sở lý thuyết phát triển chăn nuôi bền vững và mô hình liên kết chuỗi giá trị trong chăn nuôi, bài viết đã đề xuất định hướng xây dựng mô hình hợp tác xã chăn nuôi cho xã Sơn Kim 1, đồng thời thảo luận một số vấn đề đặt ra trong quá trình hình thành và phát triển mô hình này đối với địa phương trong bối cảnh hiện nay.

Từ khóa: mô hình chăn nuôi, phát triển chăn nuôi bền vững, hợp tác xã chăn nuôi

Nhận bài ngày: 10/7/2019; *đưa vào biên tập:* 15/7/2019; *phản biện:* 21/7/2019; *duyet đăng:* 4/9/2019

1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo nằm trên quốc lộ 8A qua biên giới Việt - Lào, kết nối với trục hành lang Đông - Tây, mở ra biển, đóng vai trò quan trọng trong hợp tác Tiểu vùng sông Mê Kông mở rộng. Ngoài quốc lộ 8A, khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo còn kết nối với đường Hồ Chí Minh, đường sắt Bắc - Nam, rất thuận lợi cho giao thương và phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch và công nghiệp chế biến, lắp ráp... trong không gian kinh tế tiểu vùng.

Xã Sơn Kim 1, huyện Hương Sơn, tỉnh Hà Tĩnh là một trong 4 địa phương nằm trong khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo, có diện tích 22.305,91ha, với 1.429 hộ gồm 5.057 người, được phân bố hai bên trục đường chính - quốc lộ 8A. Từ năm 2016 trở về trước, kinh tế xã Sơn Kim 1 chủ yếu dựa vào các hoạt động dịch vụ, thương mại qua cửa khẩu Cầu Treo và khai thác sản phẩm từ rừng. Tuy nhiên, từ tháng 9/2016, khi *Luật thuế xuất nhập khẩu* số 107/2016/QH13 có hiệu lực, khu kinh tế cửa khẩu quốc tế Cầu Treo không còn được xem là khu phi thuế quan, doanh nghiệp không được

* Viện Khoa học xã hội vùng Nam Bộ.

hưởng các chính sách thuế đối với hàng hóa, dịch vụ như trước, cùng với đó là sự khác biệt về giá cả hàng hóa giữa Việt Nam và nước bạn Lào không còn nữa đã làm suy giảm rõ rệt các hoạt động giao thương. Đồng thời, tại thời điểm đó, hoạt động nhập khẩu gỗ về Việt Nam cũng không còn nữa khi chính phủ Lào thực hiện chính sách cấm rừng (Việt Hương, 2019). Hai yếu tố trên đã tác động rất mạnh mẽ đến hoạt động kinh tế của người dân xã Sơn Kim 1: thu nhập về thương mại dịch vụ và khai thác rừng giảm mạnh khiến người dân phải chuyển đổi sinh kế, dựa nhiều hơn vào nông nghiệp. Trong đó, chăn nuôi được coi là hướng sinh kế quan trọng dựa trên các lợi thế về nguồn tài nguyên đất rừng dồi dào tại chỗ.

Tuy nhiên, các mô hình sản xuất chăn nuôi hiện nay lại đang gặp phải nhiều hạn chế về nguồn vốn, năng lực sản xuất và đầu ra... dẫn đến thu nhập của người dân bấp bênh, từ đó ảnh hưởng đến sự phát triển bền vững của địa phương. Kết quả khảo sát năm 2018 của chúng tôi cho thấy, tỷ lệ hộ có nguồn thu từ chăn nuôi gia súc, gia cầm là 83% và trồng trọt là 75%, thể hiện sinh kế của phần lớn các hộ gia đình là chăn nuôi kết hợp với trồng trọt. Tuy nhiên, tỷ trọng đóng góp của hoạt động chăn nuôi trong tổng thu nhập của hộ gia đình chỉ chiếm 27,7%. Điều này cho thấy sự phát triển của ngành chăn nuôi còn hạn chế, chưa tương xứng với kỳ vọng trở thành nguồn thu nhập thay thế cho hoạt

động dịch vụ, thương mại dựa vào cửa khẩu và khai thác rừng.

Vì vậy, cần phải có sự đánh giá lại thực trạng cũng như vấn đề của các mô hình chăn nuôi hiện nay, làm nền tảng cho việc tìm kiếm mô hình phát triển chăn nuôi phù hợp để khôi phục kinh tế địa phương và hướng đến phát triển bền vững trong tương lai. Bài viết dựa trên kết quả khảo sát định lượng 100 hộ ở 9/11 thôn của xã bằng phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống và phỏng vấn định tính một số hộ chăn nuôi và cán bộ địa phương. Dù số lượng mẫu không lớn nhưng cơ cấu mẫu vẫn phản ánh khá đầy đủ các loại hình sinh kế chính ở xã Sơn Kim 1, bao gồm nông nghiệp, thương mại, dịch vụ và lao động ở nước ngoài.

2. CƠ SỞ LÝ THUYẾT

2.1. Lý thuyết phát triển chăn nuôi bền vững

Cho đến nay chưa có một định nghĩa cụ thể nào cho phát triển chăn nuôi bền vững, nhưng là một bộ phận, một lĩnh vực đặc thù trong ngành nông nghiệp, khái niệm phát triển nông nghiệp bền vững cũng bao hàm cho chăn nuôi. Theo Nguyễn Phước Tài (2014), nền nông nghiệp bền vững có thể được nhìn từ nhiều khía cạnh khác nhau: “Trên khía cạnh kinh tế kỹ thuật: tăng trưởng nông nghiệp bền vững nhấn mạnh đến việc duy trì tăng năng suất lao động trong dài hạn. Trên khía cạnh sinh thái: một hệ thống nông nghiệp làm suy yếu, ô nhiễm, phá vỡ cân bằng sinh thái của hệ

thống tự nhiên một cách không cần thiết thì hệ thống nông nghiệp đó không bền vững. Trên khía cạnh con người: một hệ thống nông nghiệp không cải thiện được trình độ giáo dục, sức khỏe và dinh dưỡng của người dân nông thôn thì hệ thống đó không được gọi là bền vững” (tr. 1-2). Hay theo quan niệm của FAO (1992), “Phát triển bền vững là việc quản lý và bảo tồn cơ sở tài nguyên thiên nhiên, định hướng thay đổi công nghệ và thể chế theo hướng một phương thức sao cho đạt đến sự thỏa mãn một cách liên tục những nhu cầu của con người, của những thế hệ hôm nay và mai sau. Sự phát triển như vậy trong lĩnh vực nông nghiệp (nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản) chính là sự bảo tồn đất, nước, các nguồn gen và thực vật, không bị suy thoái môi trường, kỹ thuật thích hợp, sinh lợi kinh tế và được chấp nhận về mặt xã hội” (dẫn theo Vũ Trọng Bình, 2013: 38).

Từ khái niệm trên, tác giả cho rằng phát triển chăn nuôi bền vững là mô hình phát triển mà trong đó tăng trưởng chăn nuôi ổn định, lâu dài trên cơ sở đảm bảo cân bằng giữa tăng trưởng với các vấn đề tự nhiên và nghèo đói ở nông thôn. Hoạt động kinh tế của các hộ, các cơ sở chăn nuôi từ việc lập kế hoạch, thực hiện và quản lý các quá trình sản xuất, kinh doanh đều hướng đến bảo vệ và phát huy lợi ích của con người và xã hội trên cơ sở duy trì và phát huy nguồn lực, tối thiểu hóa chi phí để sản xuất hiệu quả các sản phẩm chăn nuôi và hạn chế tác hại đối với môi trường.

- Khía cạnh kinh tế: giảm chi phí đầu vào, nâng cao thu nhập cho người chăn nuôi trên cơ sở thỏa mãn tốt nhất nhu cầu xã hội về thực phẩm.

- Khía cạnh môi trường: tác động hợp lý của con người đối với các yếu tố tự nhiên (đất đai, nguồn nước, năng lượng, hệ động thực vật) nhằm giảm thiểu tác hại, bảo vệ hệ sinh thái tự nhiên và đa dạng sinh học.

- Khía cạnh xã hội: xây dựng và phát triển các phương thức đáp ứng ngày càng cao các nhu cầu về việc làm, sức khỏe, giáo dục, văn hóa, tinh thần của con người.

2.2. Mô hình liên kết chuỗi giá trị trong chăn nuôi

Chuỗi giá trị là quá trình các doanh nghiệp tiếp nhận các nguyên liệu ban đầu để đưa vào sản xuất và tiêu thụ sản phẩm với các giá trị tăng thêm qua mỗi công đoạn sơ chế, chế biến, phân phối và bán sản phẩm cuối cùng tới người tiêu dùng (Đỗ Văn Hoan, 2017). Đối với các vùng sản xuất, phát triển nông nghiệp bền vững chính là phát triển một chuỗi giá trị nông sản bền vững từ sản xuất đến thương mại. Chuỗi giá trị phải được quản trị theo nguyên tắc quản lý chất lượng, vệ sinh an toàn thực phẩm và thương hiệu trên nền tảng của quy trình sản xuất bền vững (Vũ Trọng Bình, 2013). Trong liên kết chuỗi giá trị trong chăn nuôi, bài viết đề cập đến 2 mô hình liên kết là liên kết dọc và liên kết ngang.

2.2.1. Mô hình liên kết dọc

Liên kết dọc là liên kết giữa các tác nhân trong các khâu khác nhau của

chuỗi nhằm giảm chi phí chuỗi, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm, kiểm soát chất lượng sản phẩm, tăng cường tính chặt chẽ về mặt luật pháp và tiếp cận thông tin, tạo niềm tin phát triển chuỗi. Trong mô hình liên kết này, doanh nghiệp sẽ là nhà đầu tư, tổ chức sản xuất, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật và đảm bảo đầu ra. Còn người chăn nuôi sẽ nhận khoán theo định mức chi phí, có thể được hỗ trợ một phần chi phí xây dựng cơ bản ban đầu, chi phí lao động và sản xuất trên đất đai của họ. Tiêu biểu cho kiểu mô hình liên kết dọc là các phương thức liên kết theo chuỗi giá trị trong chăn nuôi lợn thịt, gia cầm, bò và bò sữa. Có 3 mô hình liên kết dọc, đó là:

a) Chăn nuôi gia công: Trong mô hình liên kết này, các doanh nghiệp cung ứng con giống, thức ăn, hỗ trợ kỹ thuật, thuốc thú y và bao tiêu toàn bộ sản phẩm; người chăn nuôi xây dựng chuồng trại, hệ thống xử lý chất thải theo yêu cầu kỹ thuật của doanh nghiệp, tổ chức sản xuất và nhận tiền công theo hợp đồng ký kết.

b) Liên kết giữa các doanh nghiệp với nhau để sản xuất và cung ứng một sản phẩm ra thị trường, trong đó mỗi doanh nghiệp tùy theo năng lực, sở trường của mình sẽ đảm nhiệm các phân khúc phù hợp. Hình thức liên kết này thường được thực hiện ở các doanh nghiệp vừa và nhỏ, liên kết với nhau nhằm khắc phục những hạn chế

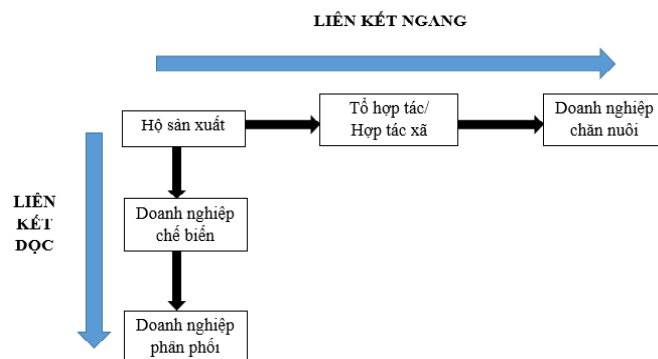
của doanh nghiệp về vốn, thị trường, năng lực quản trị.

c) Liên kết giữa các doanh nghiệp giết mổ, chế biến, kinh doanh thực phẩm với các doanh nghiệp, các hợp tác xã và hộ chăn nuôi. Đây là hình thức liên kết sản xuất chăn nuôi và cung ứng thực phẩm cho thị trường phù hợp với đặc thù của chăn nuôi Việt Nam là sản xuất nhỏ lẻ, số hộ chăn nuôi nhiều.

2.2.2. Mô hình liên kết ngang

Liên kết ngang là liên kết giữa các tác nhân trong cùng một khâu để giảm chi phí, tăng giá bán sản phẩm, tăng số lượng hàng bán... Người sản xuất và đơn vị kinh doanh (hợp tác xã, tổ hợp tác...) liên kết lại nhằm hỗ trợ nhau về mặt sản xuất và tiêu thụ sản phẩm. Trong mô hình liên kết ngang, các đơn vị kinh doanh sẽ đảm nhận cung cấp các dịch vụ sản xuất và đầu vào cho các hộ xã viên như: vật tư, phân bón, thức ăn chăn nuôi...; đồng thời tìm kiếm đầu ra, kết nối với các doanh nghiệp giết mổ, chế biến, xuất khẩu để tiêu thụ sản phẩm cho xã viên với mức giá có lợi nhất.

Hình 1. Mô hình liên kết dọc - liên kết ngang trong chăn nuôi



3. PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

Bên cạnh việc sử dụng phương pháp thống kê mô tả từ 100 hộ gia đình được khảo sát, tác giả cũng sử dụng phương pháp phân tích định tính từ các cuộc phỏng vấn sâu hộ chăn nuôi và cán bộ địa phương với các nội dung sau:

- Hộ chăn nuôi theo cả 2 mô hình truyền thống và mô hình chăn nuôi tập trung có liên kết với doanh nghiệp: tình hình sản xuất kinh doanh (vốn, lao động, đầu vào, đầu ra, kỹ thuật...), khó khăn và thuận lợi trong phát triển, định hướng tương lai.

- Cán bộ địa phương: đóng góp của chăn nuôi đối với sự phát triển của địa phương, thực trạng phát triển của 2 mô hình chăn nuôi, đánh giá ưu thế và hạn chế của mỗi mô hình.

Bài viết còn sử dụng phương pháp phân tích SWOT, cho phép nhận diện được những vấn đề kinh tế, xã hội, môi trường ảnh hưởng đến các mô hình trong phát triển chăn nuôi bền vững.

4. MỘT SỐ MÔ HÌNH CHĂN NUÔI TRÊN ĐỊA BÀN XÃ SƠN KIM 1

Hiện nay ở xã Sơn Kim 1 có 2 mô hình chăn nuôi chính là chăn nuôi truyền thống và chăn nuôi gia công. Chăn nuôi truyền thống gồm các hộ nuôi hươu lấy nhung và nuôi heo lấy thịt. Chăn nuôi gia công thì chỉ có nuôi heo thịt cho các công ty. Ngoài 2 mô hình chăn nuôi trên, các hộ cũng có chăn nuôi thêm gia cầm và trâu bò nhưng chủ yếu là để đáp ứng nhu cầu

tiêu dùng của hộ hoặc sức kéo cho sản xuất.

Bảng 1. Tình hình chăn nuôi ở xã Sơn Kim 1 đến tháng 9/2018

Loại gia súc, gia cầm	Số lượng (con)
Heo	34.000
Hươu	610
Trâu bò	1.237
Gia cầm	35.865

Nguồn: Ủy ban Nhân dân xã Sơn Kim 1, 2018.

4.1. Mô hình sản xuất và tiêu thụ theo kiểu truyền thống

Trong mô hình sản xuất và tiêu thụ theo kiểu truyền thống, các hộ phải tự đầu tư, chăn nuôi và tự tìm kiếm nguồn tiêu thụ sản phẩm, chủ yếu là thông qua thương lái. Hiện tại, đa số các hộ chăn nuôi hươu lấy nhung và heo thịt trên địa bàn xã Sơn Kim 1 đều đang thực hiện theo mô hình này.

Chăn nuôi hươu lấy nhung

Theo báo cáo của chính quyền địa phương, năm 2018 cả xã Sơn Kim 1 có 160 hộ chăn nuôi với tổng đàn là 610 con, quy mô trung bình dưới 5 con/hộ, đang cho thu nhập ổn định. Không như các xã chung quanh là nơi tập trung nuôi hươu với số lượng lớn, ở xã Sơn Kim 1 các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, không tập trung, bên cạnh nuôi hươu thì còn nuôi thêm heo hoặc trâu bò.

Trong mô hình này, hộ nuôi hươu tận dụng đất đai của mình để xây dựng chuồng trại và sử dụng lao động trong gia đình, do chăn nuôi nhỏ và hươu là

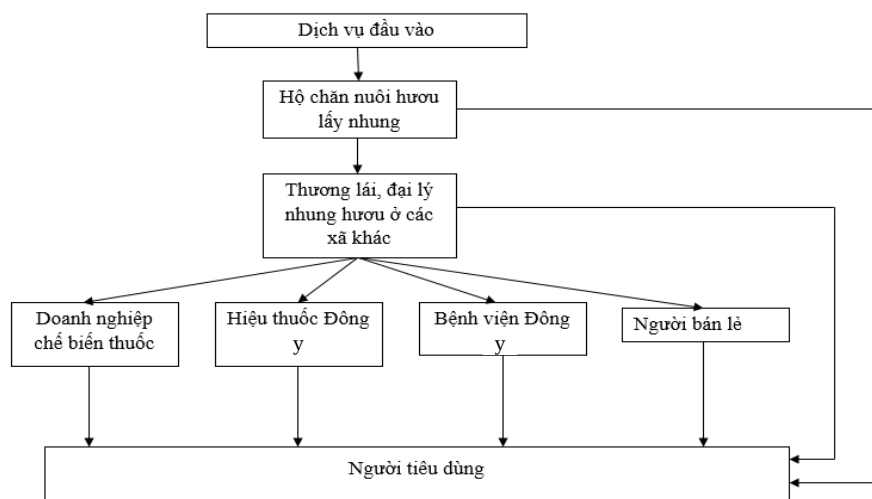
động vật hoang dã nên công chăm sóc không nhiều. Vì giới hạn diện tích, nên các hộ nuôi hươu lấy nhung ở Sơn Kim 1 đều thực hiện hình thức nuôi nhốt hoàn toàn. Hằng ngày, người chăn nuôi sẽ cung cấp thức ăn, nước uống và vệ sinh chuồng trại. Thức ăn cho hươu chủ yếu là các loại lá, trái cây có sẵn trong vườn, trong rừng, rất dễ kiếm nên chi phí nuôi hươu là khá thấp so với các con vật khác. Hầu hết các chuồng trại nuôi hươu đều không có hầm biogas, mà phân hươu sẽ được người dân tận dụng để làm phân bón cho cây cối trong vườn. Đến thời điểm thu hoạch nhung, người chăn nuôi sẽ liên lạc với thương lái đến thu mua, và thường thì họ chỉ bán cho mỗi quen, ít có sự thay đổi.

Theo đánh giá của người chăn nuôi, mô hình nuôi hươu lấy nhung hiệu quả hơn nuôi trâu bò, mang lại thu

nhập khá cao. Giá mua 1 con hươu cái là khoảng 10 triệu, hươu con là khoảng 5 triệu và hươu đực có ngòi sừng to là khoảng 45-50 triệu. Mỗi con hươu đực chỉ cho thu hoạch 1-2 đợt trong năm và thu nhập mang lại khoảng 10-12 triệu đồng mỗi đợt. Trong suốt một đời, bình quân mỗi hươu đực cho khoảng 15-20 cặp nhung. “Nuôi hươu có lợi nhuận hơn nuôi trâu nuôi bò. Trâu bò thì ăn nhiều, nhưng con hươu lại ăn ít mà cho lợi nhuận cao hơn. Nuôi trâu bò, lợn, gà thì đầu tư nhiều chó nuôi hươu chỉ cần trồng 2 sào cỏ là đủ cho nó ăn. Nuôi hươu cho ăn rất đơn giản, không cần cho thêm thức ăn phụ. Mặc dù giá cả nhung hươu có lên xuống nhưng tính ra là không lỗ vì chi phí thức ăn và chăm sóc không nhiều” (PVS hộ nuôi hươu lấy nhung ở thôn Kim Cương 1, xã Sơn Kim 1).

Mặc dù mang lại thu nhập ổn định, mô

Hình 2. Mô hình chăn nuôi hươu lấy nhung ở xã Sơn Kim 1



Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài “Phát triển bền vững ở Lào và ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”.

hình nuôi hươu lấy nhung ở xã Sơn Kim 1 không được mở rộng cũng như tăng quy mô vì (1) vốn đầu tư cho con giống khá cao, (2) đất ít, không đủ để tăng diện tích chuồng trại, và (3) dù giá nhung hươu ổn định nhưng thị trường tiêu thụ lại hẹp. Thực tế cho thấy vào năm 2015, khi chăn nuôi hươu ồ ạt ở xã Sơn Kim 1, giá nhung hươu giảm sâu, khiến nhiều hộ phải bán cả hươu cả nhung với giá rẻ để thu hồi vốn. Sau đó, số lượng hộ nuôi hươu ở Sơn Kim 1 đã giảm đáng kể.

Chăn nuôi heo thịt

Chăn nuôi heo ở Sơn Kim 1 tập trung chủ yếu ở Khe 5 và các hộ có vườn rộng, có điều kiện nuôi từ 20 - 30 con/năm. Hiện tại xã có 60 hộ chăn nuôi lợn. Cũng giống như nuôi hươu lấy nhung, các hộ chăn nuôi heo truyền thống phải tự đầu tư xây dựng chuồng trại, hầm biogas và các vật tư đầu vào. Nhân lực là lao động trong

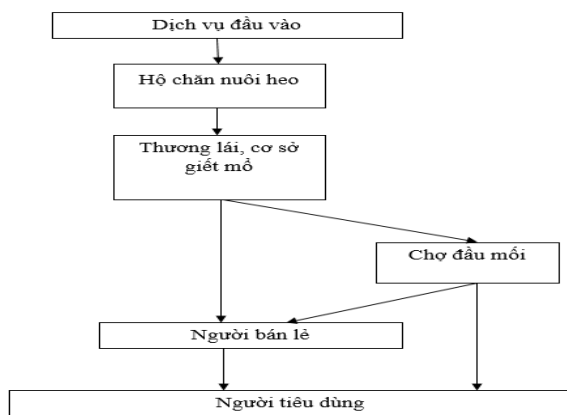
gia đình. Khi xuất chuồng người nuôi gọi thương lái tới để bán, giá cả tùy thuộc vào thương lái. Phần lớn các hộ chăn nuôi mua chịu vật tư đầu vào (thức ăn, vắc-xin), sau khi bán heo sẽ trả hoặc nếu chủ vật tư là thương lái thì sẽ bán lại cho họ để khấu trừ.

Sau khi hoạt động khai thác gỗ và buôn bán qua cửa khẩu bị đình trệ, hầu hết các hộ dân ở Sơn Kim 1 đều chuyển sang nuôi heo để cải thiện thu nhập. Khoảng cuối năm 2013 đến năm 2015, giá thịt heo tăng rất cao, người chăn nuôi có lãi, hộ chăn nuôi heo thịt theo kiểu truyền thống phát triển mạnh, có hộ còn vay ngân hàng để phát triển chuồng trại và tăng đàn. Từ năm 2016 cho đến 2017, giá thịt heo xuống thấp đến mức kỷ lục thì đa số các hộ chăn nuôi đều thua lỗ, phải giảm đàn, thậm chí bỏ đàn, bỏ chuồng, có hộ mang nợ do đầu tư chuồng trại và mở rộng quy mô. Hiện nay, do giá

mua đang phục hồi nên nhiều hộ bắt đầu gây dựng lại đàn heo.

Nhìn chung, cũng như nuôi hươu, chăn nuôi heo thịt theo kiểu truyền thống cũng chỉ ở quy mô nhỏ lẻ, không tập trung mà rải đều ở nhiều thôn trên địa bàn xã. Đa số các hộ thường tận dụng đất vườn để kết hợp chăn nuôi heo và trồng trọt và do không nắm bắt được thông tin thị trường, mà chủ yếu là theo phong trào: khi giá

Hình 3. Mô hình chăn nuôi heo thịt theo kiểu truyền thống ở xã Sơn Kim 1



Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài “Phát triển bền vững ở Lào và ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”.

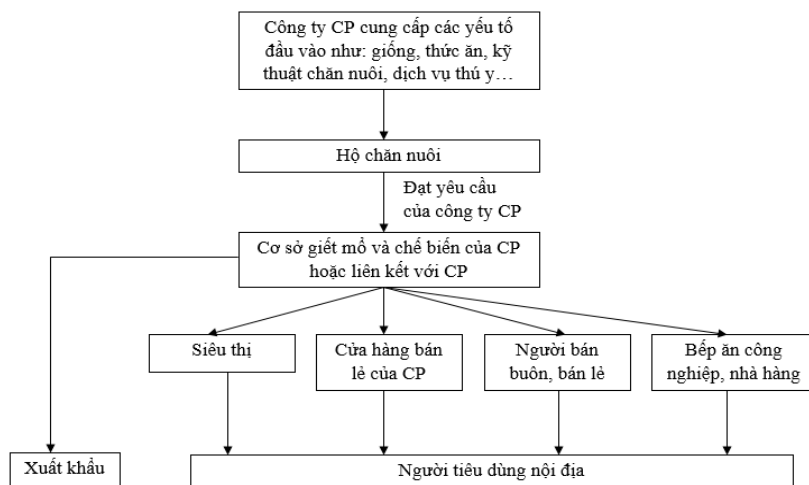
lên thì nuôi ở ạt, khi giá xuống thì bỏ đàn, bỏ chuồng nên thu nhập từ chăn nuôi heo theo mô hình này rất bấp bênh, không ổn định.

Bảng 2. Các khó khăn trong chăn nuôi ở xã Sơn Kim 1

Các khó khăn (nhiều ý)	n	%
Không gặp khó khăn nào	31	35,6
Thiếu vốn	26	29,9
Gia đình thiếu người làm	8	9,2
Thiếu máy móc, công cụ	6	6,9
Thiếu đất	15	17,2
Thiếu hướng dẫn kỹ thuật	4	4,6
Thiếu thông tin	4	4,6
Giá cả biến động và tiêu thụ chậm	38	43,7
Bệnh dịch	38	43,7
Thời tiết thay đổi	41	47,1
Khó khăn khác	1	1,1
Tổng	87	100,0

Nguồn: Kết quả khảo sát của đề tài “Phát triển bền vững ở Lào và ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”.

Hình 4: Mô hình chăn nuôi heo thịt gia công cho Công ty CP



Nguồn: Khảo sát của đề tài “Phát triển bền vững ở Lào và ở Việt Nam trong bối cảnh hội nhập quốc tế”.

Theo kết quả khảo sát của đề tài, khó khăn hiện nay mà phần lớn hộ chăn nuôi theo kiểu truyền thống xuất phát từ nguyên nhân: quy mô sản xuất nhỏ

lẻ, tự phát, chăn nuôi theo kiểu cũ dẫn đến việc khả năng ứng phó rất hạn chế với thời tiết thay đổi, dịch bệnh, và biến động thị trường, từ đó ảnh hưởng đến thu nhập. Ngoài ra, thiếu vốn và thiếu đất cũng là nguyên nhân khiến cho nhiều hộ gia đình gặp khó khăn khi muốn mở rộng quy mô chăn nuôi.

4.2. Mô hình chăn nuôi gia công

Đây là mô hình liên kết dọc trong liên kết chuỗi giá trị. Hiện tại ở Sơn Kim 1 đã có “14 hộ chăn nuôi cho doanh thu từ 5 tỷ đồng/năm trở lên trong đó có 8 hộ chăn nuôi

heo thịt quy mô 1.000 con/lứa và 5 hộ chăn nuôi heo thịt quy mô 600 con/lứa làm theo hình thức liên kết Công ty CP” (Ủy ban Nhân dân xã Sơn Kim 1, 2016).

Có thể nói chăn nuôi heo liên kết với Công ty CP là mô hình chăn nuôi khá hiệu quả. Với yêu cầu

đầu tư bài bản và thiết kế chuồng trại, quy cách chăn nuôi và bao tiêu sản phẩm, mô hình này không những tạo nguồn thu nhập khá cao và ổn định cho người chăn nuôi mà còn đảm bảo không gây ô nhiễm môi trường từ các chất thải trong chăn nuôi. Mô hình chăn nuôi gia công ở xã Sơn Kim 1 là mô hình cấp độ 2, trong đó người chăn nuôi đầu tư cơ sở hạ tầng theo bản thiết kế của CP. Không chỉ phải đảm bảo diện tích mà chuồng trại và trang thiết bị cũng phải được đầu tư, xây dựng theo thiết kế và yêu cầu của CP, đặc biệt là về xử lý chất thải, điều hòa nhiệt độ. Sau khi hoàn thành, hộ chăn nuôi sẽ được công ty cung cấp con giống, thức ăn, vắc-xin và cả nhân viên hỗ trợ về mặt kỹ thuật. Những hộ tham gia mô hình đều được doanh nghiệp bao tiêu sản phẩm sau khi đạt các tiêu chí về cân nặng hoặc thời gian dự kiến. Việc này giúp người chăn nuôi an tâm hơn trong quá trình chăn nuôi, sản phẩm chất lượng hơn, đầu ra dễ dàng và ít rủi ro hơn. Theo hộ chăn nuôi gia công, ngoài tâm lý yên tâm được bao tiêu sản phẩm, họ cũng được đảm bảo về chất lượng các loại thức ăn và vật tư khác do CP cung cấp. Mặc dù giá cả thu mua mà

CP đề ra có lúc thấp hơn giá thị trường, người chăn nuôi cho rằng sự đảm bảo ổn định, không bị ảnh hưởng bởi giá cả lên xuống của thị trường và bao tiêu sản phẩm đầu ra chính là điều mà họ mong muốn khi tham gia vào mô hình này.

Tuy nhiên, mô hình chăn nuôi gia công này không thể nhân rộng do giới hạn về nguồn vốn và quỹ đất. Để đầu tư chuồng trại với tổng đàn 500 con, hộ chăn nuôi phải có diện tích đất khoảng 6.000m²; vị trí xây dựng chuồng trại phải đáp ứng một số yêu cầu khác, như: chuồng trại phải nằm trong khu chăn nuôi tập trung, xa khu dân cư ít nhất 500m, có cây cối, hồ nước... Không chỉ chi phí đầu tư cao, mà hộ chăn nuôi khi tham gia vào chuỗi liên kết của CP còn phải tốn chi phí thuê nhân công để coi sóc chuồng trại do quy mô khá lớn. Vì vậy, mặc dù lợi nhuận thu được từ mô hình này là khá lớn nhưng không phải hộ chăn nuôi nào cũng có đủ điều kiện và nguồn lực để tham gia.

5. KẾT QUẢ VÀ THẢO LUẬN

5.1 Phân tích SWOT các mô hình chăn nuôi trên địa bàn xã Sơn Kim 1 trong phát triển bền vững

	Mô hình chăn nuôi truyền thống	Mô hình chăn nuôi gia công
Ưu điểm	- Chi phí đầu tư thấp. - Vừa trồng trọt vừa chăn nuôi có thể phân tán sự rủi ro. - Tận dụng lao động trong gia đình, “lấy công làm lời”. - Sự kết hợp giữa trồng trọt với chăn nuôi sẽ khai thác và sử dụng các nguồn thức ăn sẵn có của địa	- Đảm bảo đầu ra ổn định. - Học hỏi được kiến thức và kỹ thuật chăn nuôi tiên tiến từ đó nâng cao chất lượng sản phẩm và kiểm soát được rủi ro do dịch bệnh. - Do được đầu tư bài bản nên hạn chế được ô nhiễm môi trường trong chăn nuôi. - Tạo được công ăn việc làm cho địa phương. - Được đảm bảo con giống, thức ăn và vật tư

	phương. - Dễ mở rộng và áp dụng cho các hộ gia đình trong giảm nghèo.	đầu vào từ đó gia tăng được chất lượng của sản phẩm.
Hạn chế	- Phân tán nhỏ lẻ, khó tiếp cận thị trường do đó gặp nhiều rủi ro trong tiêu thụ sản phẩm. - Trình độ chăn nuôi thấp dẫn đến hạn chế khả năng ứng phó với biến đổi khí hậu và dịch bệnh. - Đầu tư cơ sở hạ tầng và kỹ thuật chăn nuôi hạn chế dẫn đến khó kiểm soát dịch bệnh, gây ô nhiễm môi trường. - Chi phí chăn nuôi cao do quy mô nhỏ lẻ. - Chất lượng sản phẩm không đồng đều.	- Đòi hỏi hộ chăn nuôi tham gia phải có nguồn vốn đầu tư và quỹ đất khá lớn do đó khó nhân rộng mô hình. - Quy mô chăn nuôi lớn, phải chịu chi phí thuê mướn lao động. - Phụ thuộc vào đơn vị đặt hàng gia công, không thể chủ động đề xuất mức giá theo thị trường. - Số tiền doanh nghiệp trả cho hộ chăn nuôi là chi phí gia công chứ không phải là giá mua sản phẩm. Do đó, thu nhập của hộ chăn nuôi ổn định nhưng không cao.
Cơ hội	- Cục Sở hữu Trí tuệ đã cấp Giấy chứng nhận đăng ký chỉ dẫn địa lý số 00072 cho sản phẩm nhưng hươu “Hương Sơn”, là cơ hội cho mô hình chăn nuôi hươu lấy nhung phát triển. - Trên địa bàn huyện Hương Sơn và Hà Tĩnh đã có nhà máy chế biến dược phẩm từ nhung hươu, trung tâm bảo tồn giống, hệ thống các đại lý mua bán nhung hươu... tạo điều kiện thuận lợi cho việc chăn nuôi và tiêu thụ nhung hươu. - Nếu thị trường không bị biến động chăn nuôi hộ gia đình vẫn mang lại hiệu quả kinh tế cao.	- Có cơ chế hỗ trợ cho chăn nuôi phát triển theo hướng tập trung, trang trại. - Hội nhập tạo cơ hội đẩy mạnh liên kết giữa hộ chăn nuôi với doanh nghiệp sản xuất và tiêu thụ. Từ đó, tạo điều kiện cho mô hình chăn nuôi gia công phát triển. - Hội nhập quốc tế tạo điều kiện cho sản phẩm chăn nuôi xuất khẩu cũng như ngày càng có nhiều công ty như CP đầu tư, mở rộng mô hình này. - Nhu cầu thịt ngày càng tăng, xu hướng phát triển mô hình sản xuất, chế biến và tiêu thụ khép kín đòi hỏi các công ty như CP cần phải có nhiều trang trại tham gia vào chuỗi liên kết ngang, từ đó tạo cơ hội cho mô hình này phát triển. - Biến đổi khí hậu, dịch bệnh gia tăng, hạn chế trong tiếp cận thông tin thị trường... khiến cho ngày càng nhiều hộ chăn nuôi muốn tham gia vào mô hình này để ổn định thu nhập.
Thách thức	- Lao động gia đình ngày càng giảm do thanh niên đi xuất khẩu lao động và làm ăn xa ngày càng tăng, dẫn đến thiếu nhân lực trong tổ chức sản xuất. - Vấn đề đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm, truy xuất nguồn gốc	- Do giá thức ăn và vật tư đầu vào của chăn nuôi ở Việt Nam còn cao nên giá thu mua đối với các hộ nuôi gia công cũng bị ảnh hưởng khiến cho thu nhập của hộ chăn nuôi có thể ổn định nhưng không cao. - Lao động nông thôn đang ngày càng giảm dần, do xu hướng xuất khẩu lao động và đi làm

đang ngày càng phổ biến gây áp lực tiêu thụ đến các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, tự phát. - Dịch bệnh, biến đổi khí hậu... sẽ ngày càng ảnh hưởng đến năng suất chăn nuôi nếu các hộ vẫn tiếp tục duy trì phương thức sản xuất cũ.	ăn xa, cũng là thách thức đối với các hộ chăn nuôi khi muốn thuê mướn lao động mở rộng quy mô. - Diện tích đất nông nghiệp hạn hẹp khiến cho việc mở rộng mô hình gặp nhiều trở ngại - Giới hạn về vốn, đất đai, trình độ của hộ chăn nuôi cũng là một thách thức trong phát triển mô hình này.
---	---

Từ những phân tích trên, chúng ta thấy mặc dù mô hình chăn nuôi gia công đang phát huy được những ưu thế trong việc tạo thu nhập ổn định cho hộ sản xuất và góp phần phát triển ngành chăn nuôi của xã nhưng chỉ một số hộ có điều kiện về vốn mới có thể tham gia vào mô hình này. Còn phần lớn các hộ chăn nuôi nhỏ lẻ, đang chiếm số đông và là hình thức chăn nuôi chủ yếu ở xã Sơn Kim 1, vẫn đang tiếp tục mô hình chăn nuôi truyền thống với nhiều rủi ro và thu nhập bấp bênh. Đây chính là những hạn chế, khiến cho ngành chăn nuôi chưa thể phát huy được vai trò chủ lực trong phát triển kinh tế nông nghiệp của hộ gia đình ở xã Sơn Kim 1.

5.2. Đề xuất mô hình hợp tác xã chăn nuôi và một số vấn đề đặt ra

Để hình thành và đưa mô hình hợp tác xã chăn nuôi đi vào hoạt động có hiệu quả ở xã Sơn Kim 1, chúng tôi có một số kiến nghị như sau:

Thứ nhất, thay đổi nhận thức của hộ chăn nuôi về hợp tác xã. Cần vận động và tuyên truyền cho hộ chăn nuôi thấy được lợi ích khi tham gia xây dựng hợp tác xã chăn nuôi là nhằm giảm chi phí, nâng cao trình độ

sản xuất, đảm bảo về đầu vào, đầu ra với giá ổn định và tăng lợi nhuận khi thoát được tình trạng sản xuất manh mún. Cần giới thiệu các mô hình hợp tác xã chăn nuôi thành công điển hình ở các địa phương khác trong cả nước để thu hút sự quan tâm xây dựng hợp tác xã của hộ chăn nuôi.

Thứ hai, học tập kinh nghiệm từ các mô hình hợp tác xã chăn nuôi thành công ở các tỉnh, thành có điều kiện tự nhiên và kinh tế tương tự. Lựa chọn mô hình hợp tác xã chăn nuôi phù hợp với điều kiện thực tế và nhu cầu của xã viên như hợp tác xã chăn nuôi gia công⁽¹⁾ hay hợp tác xã chuyên ngành chăn nuôi⁽²⁾. Đây là vấn đề rất quan trọng trong việc xây dựng phương hướng, kế hoạch hoạt động cũng như nguồn vốn vật chất cho hợp tác xã. Nếu lựa chọn mô hình chăn nuôi gia công thì hợp tác xã cần xác định công ty mà mình sẽ gia công và xây dựng kế hoạch thực hiện các điều kiện để được gia công. Còn nếu lựa chọn mô hình chuyên ngành chăn nuôi, thì hợp tác xã phải lựa chọn thực hiện sản xuất theo tiêu chuẩn đảm bảo vệ sinh an toàn thực phẩm VietGap, Global Gap... để có thể đáp ứng nhu cầu của các siêu thị, các công ty chế biến thực phẩm, nhà

hàng... nhằm đảm bảo đầu ra cho các xã viên.

Thứ ba, để hợp tác xã hình thành thì cần phải xây dựng điều kiện góp vốn phù hợp với năng lực hiện tại của phần lớn các hộ chăn nuôi theo *Luật hợp tác xã 2012*. Ngoài ra, để có sự liên kết chặt chẽ giữa Ban Quản trị và xã viên thì ngoài Điều lệ hợp tác xã Đại hội xã viên đã thảo luận thì cần thiết phải xây dựng một bản quy ước cụ thể, chặt chẽ với các điều kiện về sản xuất và thu hoạch. Xã viên cần cam kết thực hiện đúng theo bản quy ước để được đảm bảo giá cả và sản lượng đầu ra.

Bên cạnh đó, chính quyền cần có sự hỗ trợ về tín dụng, tài chính, thuế, đất đai để hợp tác xã thuận lợi trong sản xuất, kinh doanh. Vì hiện nay trên địa bàn xã Sơn Kim 1 đã có quy hoạch khu chăn nuôi tập trung và có nhiều trang trại đang gia công cho Công ty CP nên đây cũng là điều kiện thuận lợi để hợp tác xã chăn nuôi gia công

có thể hình thành và phát triển. Tuy nhiên, chính quyền địa phương cũng cần là cầu nối, tạo điều kiện thuận lợi cho các tập đoàn như Dabaco hay Masan có thể đặt hàng cho hợp tác xã. Cuối cùng, Ban Quản trị hợp tác xã cần phải được lựa chọn từ những người có năng lực và được đào tạo, trong đó có những người có chuyên môn về chăn nuôi và quản lý kinh tế để đảm bảo khả năng vận hành hợp tác xã. Thực tế đã có nhiều hợp tác xã phải giải thể do Ban Quản trị không đủ năng lực quản lý và điều hành.

Chắc chắn sẽ có nhiều khó khăn trong việc hình thành và phát triển hợp tác xã chăn nuôi. Vì vậy, cần có sự đồng thuận và quyết tâm thực hiện không chỉ ở cấp chính quyền xã Sơn Kim 1 mà còn ở các hộ chăn nuôi. Có như vậy, hợp tác xã chăn nuôi mới có thể thành lập, hoạt động có hiệu quả và đảm bảo đời sống kinh tế cho các hộ chăn nuôi. □

CHÚ THÍCH

⁽¹⁾ Hợp tác xã chăn nuôi gia công là hợp tác xã sẽ tổ chức tiếp nhận con giống, thức ăn, quy trình kỹ thuật, thuốc thú y để các xã viên thực hiện việc chăn nuôi gia công con giống và vật nuôi theo kế hoạch của các cơ sở tiêu thụ, chế biến sản phẩm chăn nuôi.

⁽²⁾ Hợp tác xã chuyên ngành chăn nuôi là hợp tác xã sẽ tổ chức cho các xã viên thực hiện chăn nuôi theo quy trình an toàn, công nghệ cao nhằm nâng cao chất lượng và giảm thiểu ô nhiễm môi trường; hợp tác xã có thể tổ chức các hoạt động dịch vụ, cung ứng giống, thức ăn, thuốc thú y và ký kết các hợp đồng bao tiêu sản phẩm cho các xã viên.

TÀI LIỆU TRÍCH DẪN

1. Đỗ Văn Hoan. 2017. “Phát triển ngành chăn nuôi theo chuỗi giá trị”. https://www.mard.gov.vn/_CONTROLS/ESPORTAL/PubAnPhamTTChiTiet/Service.svc/download/L0FuUGhhbVRUL0xpc3RzL0FuUGhhbVRU/290, truy cập ngày 3/7/2019.

2. Nguyễn Minh Luân. 2016. “Nông nghiệp tỉnh Cà Mau phát triển theo hướng bền vững”. Luận án, Học viện Chính trị Quốc gia Hồ Chí Minh.
3. Nguyễn Phước Tài. 2014. “Một số vấn đề lý luận liên quan đến vấn đề phát triển nông nghiệp bền vững ở Đồng bằng sông Cửu Long”. Thư viện Cần Thơ. http://thuviencantho.vn/DataLibrary/Images/Ly%20luan%20phat%20trien%20nong%20nghiep_DBSCCL.pdf, truy cập ngày 3/7/2019.
4. Ủy ban Nhân dân xã Sơn Kim 1. 2016. *Đề án xây dựng nông thôn kiểu mẫu 2016 - 2020 của xã Sơn Kim 1*. Tư liệu thực địa.
5. Ủy ban Nhân dân xã Sơn Kim 1. 2018. *Báo cáo kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh của xã Sơn Kim 1 năm 2018*.
6. Việt Hương. 2019. “Điều chỉnh quy hoạch khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo (Hà Tĩnh)”. <https://baodautu.vn/dieu-chinh-quy-hoach-khu-kinh-te-cua-khau-cau-treo-ha-tinh-d99718.html>, truy cập ngày 3/7/2019.
7. Vũ Trọng Bình. 2013. “Phát triển nông nghiệp bền vững: lý luận và phát triển”. *Tạp chí Kinh tế & Phát triển*, số 196, tr. 37-45.